|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ**CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***An Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021* |

# **THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang**

**6 tháng đầu năm 2021**

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng 2021 ước tính tăng 5,79% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 2,12% của 6 tháng 2020. Trong mức tăng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,69% (cùng kỳ năm 2020 tăng 2,66%) , khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,31% (cùng kỳ tăng 8,08%), khu vực dịch vụ tăng 5,02% (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,3%) thuế sản phẩm tăng 9,66%.(cùng kỳ năm 2020 tăng 3,24%).

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 33,73% (cùng kỳ 33,17%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 14,79% (cùng kỳ 14,6%); khu vực dịch vụ chiếm 47,37% (cùng kỳ 48,21%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,11% (cùng kỳ 4,03%).

**1. Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản (KVI)**

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, 6 tháng 2021 có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước do sản lượng lúa, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng, trong đó, ngành nông nghiệp (ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành kinh tế) tăng 6,73%, có đóng góp lớn nhất 1,93 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; ngành thủy sản tăng 1,22% (cùng kỳ năm trước giảm 5,36%), đóng góp 0,08 điểm phần trăm.

Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 (GOss) của khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản (KVI) trong 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 21.190 tỷ đồng, bằng 105,57% hay tăng 1.118 tỷ đồng so cùng kỳ. Cụ thể:

- Tổng GOss của ngành Nông nghiệp đạt gần 16.282 tỷ đồng (chiếm 76,84% KVI), bằng 106,92% hay tăng 1.053 tỷ đồng. Chia ra: Tổng GOss của lĩnh vực trồng trọt ước đạt 14.223 tỷ đồng (chiếm 67,12% KVI), tăng 5,96% (+800 tỷ đồng); giá trị ngành chăn nuôi đạt gần 1.024 tỷ đồng (chiếm 4,83% KVI), tăng 29,19% (+231 tỷ đồng); DVNN đạt 1.036 tỷ đồng (chiếm 4,89% KVI), tăng 22 tỷ đồng.

+ Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng (DTGT) được hơn 252,8 ngàn ha lúa và hoa màu, đạt 100,93% KH và bằng 99,98% (-44 ha) so cùng kỳ, trong đó DT lúa hơn 234,9 ngàn ha, chiếm 92,91% (DTGT), đạt 100,2% KH, bằng 100,32% (+755 ha) và hoa màu các loại gieo trồng 17,9 ngàn ha, đạt 111,73% so KH (bằng 95,73% hay giảm 799 ha so cùng kỳ). DTGT giảm so cùng kỳ chủ yếu do một số địa phương chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm.Về năng suất cây lúa ước đạt 76,78 tạ/ha, bằng 107,96% hay tăng 5,66 tạ/ha so cùng kỳ, cụ thể: Đông Xuân đạt 77,4 tạ/ha (+5,68 tạ/ha) và vụ Mùa đạt 45,22 tạ/ha (+2,94 tạ/ha). Sản lượng 6 tháng đầu năm đạt gần 1,804 triệu tấn, bằng 103,31% hay tăng 138,4 ngàn tấn so cùng kỳ (vụ Đông Xuân đạt 1,783 triệu tấn, tăng 138,2 ngàn tấn và vụ Mùa đạt gần 20,5 ngàn tấn, tăng 0,2 ngàn tấn). Mặc dù, tổng sản lượng chung lúa-nếp chỉ tăng 8,31% (+138,4 ngàn tấn), song do diện tích gieo trồng nếp và các giống lúa khác có chất lượng tương đương với nếp như: Đài thơm 8, Nàng hoa, lúa Nhật, DS1 (tính chung các giống này gieo trồng được 114,2 ngàn ha, tăng 5,2 ngàn ha; sản lượng đạt 884 ngàn tấn, tăng 13,13% (+102,6 ngàn tấn). Qua đó, góp phần làm giá trị cây lúa đạt 10.766 tỷ đồng (chiếm 50,81% KVI), tăng 9,37% (+923 tỷ đồng); các loại cây hằng năm khác giá trị đạt 1.835 tỷ đồng (chiếm 8,66% KVI), giảm 85 tỷ đồng (do diện tích gieo trồng giảm 799 ha dẫn đến tổng sản lượng chung giảm)

+ Cây lâu năm: Thực hiện trồng mới khoảng 427 ha, qua đó nâng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có hơn 19,8 ngàn ha, bằng 104,97%, tăng 936 ha so thời điểm 6 tháng đầu năm 2020. Tổng sản lượng thu hoạch ước đạt gần 114 ngàn tấn, bằng 98,94% (giảm 1,2 ngàn tấn). Sản phẩm cây lâu năm ước đạt 1.622 tỷ đồng (chiếm 7,65% KVI), giảm 37 tỷ đồng, do giảm sản lượng các giống xoài có chất lượng là xoài Cát Hòa Lộc (-834 tấn) và xoài Đài Loan (-1.734 tấn).

+ Chăn nuôi

 Đàn trâu-bò: Giá bán thịt hơi trâu bò có phần tăng trở lại trong những tháng cuối năm 2020 nên quy mô đàn trâu-bò có có tăng chút ít so cùng kỳ. Ước tính đàn trâu-bò toàn tỉnh khoảng 69,2 ngàn con, bằng 100,69% (+476 con) so cùng kỳ, trong đó, đàn bò 66,9 ngàn con (chiếm 96,67%), bằng 100,56% (+374 con) so cùng kỳ.

Đàn heo: tổng số heo hiện có toàn tỉnh đạt hơn 79 ngàn con (không tính heo con chưa tách mẹ là 63,2 ngàn con), bằng 106,02% hay tăng 4,5 ngàn con so cùng thời điểm năm trước, đàn heo toàn tỉnh tăng chủ yếu do tăng đàn heo nái và heo con chưa tách mẹ. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp chăn nuôi heo Việt Thắng chuyển từ nuôi heo thịt sang sản xuất giống và tiêu thụ ở các tỉnh lân cận, đồng thời do hình thức nuôi heo sữa trong thời gian qua mang lại hiệu quả kinh tế cao nhờ rút ngắn thời gian nuôi nên giảm được chi phí đầu tư và thu hồi vốn, lợi nhuận nhanh, giảm rủi ro về thị trường tiêu thụ.

Đàn gia cầm: áp dụng tiêu chuẩn an toàn sinh học, dịch bệnh được kiểm soát tốt đã góp phần ổn định quy mô đàn gia cầm. Đàn gia cầm toàn tỉnh hiện có hơn 5,1 triệu con, tăng 5,76% (tăng 279 ngàn con) so cùng kỳ, chủ yếu do tăng quy mô đàn vịt và ngan, cụ thể: Đàn vịt hơn 3,7 triệu con, tăng 8,58% (+292 ngàn con), trong đó vịt đẻ 3,5 triệu con (chiếm 93,55% tổng đàn vịt), bằng 109,59% hay tăng 288 ngàn con và đàn ngan/vịt xiêm do mô hình nuôi vịt xiêm giống ngoại mang lại hiệu quả kinh tế cao (với thời gian nuôi từ 2,5-3 tháng có thể đạt trọng lượng 3-4 kg/con, giá bán bình quân từ 70-80 ngàn đồng/kg) nên tổng số đầu con tăng mạnh so cùng kỳ, với 86 ngàn con, bằng 104,82% (+4 ngàn con). Riêng đàn gà, do các hộ nuôi gà với quy mô lớn giảm mạnh (chủ yếu do hộ vừa xuất bán và chưa tái nuôi trở lại) làm cho đàn gà chung toàn tỉnh chỉ đạt gần 1,3 triệu con, bằng 98,96% (-14 ngàn con) so cùng kỳ.

Chim yến: Với giá bán ổn định ở mức cao (bình quân 30-35 triệu đồng/kg) giá trị kinh tế lớn rất lớn nên số lượng nhà xây mới tiếp tục tăng lên.

Với quy mô như trên, ước tính sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2021 khoảng 12,5 ngàn tấn, bằng 103,47% so cùng kỳ, trong đó: Thịt bò hơi khoảng 2,7 ngàn tấn, bằng 100,66% (+18 tấn) so cùng kỳ; thịt heo gần 4,9 ngàn tấn, bằng 101,95% (+94 tấn) so cùng kỳ; thịt hơi gia cầm khoảng 4,2 ngàn tấn, bằng 100,69% (+29 tấn) so cùng kỳ; sản lượng tổ yến thu hoạch từ nhà nuôi khoảng 3,3 tấn, bằng 165,0% hay tăng 1,3 tấn so cùng kỳ.

- Tổng GOss ngành Thủy sản đạt khoảng 4.817 tỷ đồng (chiếm 22,73% KVI), bằng 101,35% (+64 tỷ đồng). Mặc dù, tổng sản lượng thủy sản khai thác đạt khoảng 8,6 ngàn tấn, giảm 3,62% (-324 tấn) nhưng do thay đổi cơ cấu loại thủy sản, đặc biệt do sản lượng yến sào (+1,3 tấn) nên GOss đạt 218 tỷ đồng, tăng 5,1% (+10,6 tỷ đồng). Tương tự, sản lượng thủy sản nuôi trổng ước đạt 235,5 ngàn tấn, bằng 99,62% hay giảm 909 tấn (cá tra thu hoạch khoảng 208,7 ngàn tấn, bằng 101,27% (+2,6 ngàn tấn); cá lóc thu hoạch khoảng 8,1 ngàn tấn, bằng 107,98% hay tăng 599 tấn; sản lượng cá rô phi thu hoạch hơn 9,5 ngàn tấn, tăng 5,19% (+470 tấn); các loại cá nuôi khác ước tính sản lượng thu hoạch trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt khoảng 8,3 ngàn tấn, bằng 64,45% hay giảm 4,6 ngàn tấn so cùng kỳ) nhưng do thay đổi cơ cấu thủy sản, đồng thời số lượng sản xuất con giống tăng 32 triệu con giống, góp phần làm cho giá trị thủy sản nuôi trồng đạt 4.599 tỷ đồng, tăng 1,17% (+53 tỷ đồng) so 6 tháng đầu năm trước.

**2. Khu vực công nghiệp và xây dựng**

Ước 6 tháng đầu năm, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng (giá so sánh) đạt 21.424 tỷ đồng, tăng 7,25% so cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng (giá hiện hành) đạt 31.935 tỷ đồng.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 tăng 7,55% so cùng kỳ, trong đó: ngành khai khoáng tăng 11,03%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6,06%; ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 16,09%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải nước thải tăng 4,78%.

- Các ngành công nghiệp: Ước 6 tháng đầu năm, giá trị sản xuất (giá so sánh) đạt 17.262,5 tỷ đồng, tăng 7,26% so với cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng đạt 236,5 tỷ đồng, tăng 16,10%; Ngành công nghiệp chế biến đạt 16.367,88 tỷ đồng, tăng 6,89%; Ngành sản xuất và phân phối điện đạt 413,9 tỷ đồng, tăng 20,32%; Ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải đạt 244,2 tỷ đồng, tăng 4,76% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất (giá hiện hành) 6 tháng đầu năm đạt 25.853 tỷ đồng, trong đó: Ngành khai khoáng ước đạt 877,5 tỷ đồng; Ngành công nghiệp chế biến đạt 23.681,3 tỷ đồng; Ngành sản xuất và phân phối điện đạt 946,4 tỷ đồng; Ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải đạt 348,3 tỷ đồng.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

+ Sản phẩm đá xây dựng ước đạt 3.274 ngàn m3 tăng 12,58%, đây là mặt hàng cung cấp cho các công trình đầu tư công của nhà nước về các cơ sở hạ tầng cầu, đường, công sở,… nên tăng đáng kể từ đầu năm đến nay;

+ Ước điện mặt trời đạt 265 triệu Kwh, tăng 70,11% so với cùng kỳ, các dự án của các nhà máy hoạt động ổn định cùng với hình thức điện mặt trời áp mái tăng mạnh trong những tháng qua;

+ Sản phẩm áo sơ mi đạt 17,47 triệu cái, tăng 6,48% so với cùng kỳ. Mặt hàng may mặc hiện đang rất thu hút nhu cầu tiêu dùng trên thế giới do nguồn cung các mặt hàng này từ Ấn Độ bị gián đoạn bởi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nên các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, tỉnh An Giang nói riêng gia tăng sản xuất để cung ứng nhu cầu tiêu dùng (các Cty trong tỉnh có thị truờng ổn định ở TQ, ĐL, Mỹ);

+ Sản phẩm giày dép đạt 17,2 triệu đôi, tăng 36,24% so với cùng kỳ, tại địa phương thuận lợi của sản phẩm này chủ yếu gia công, ủy thác cho các công ty, tập đoàn lớn xuất khẩu

+ Sản phẩm thủy sản đông lạnh tương đương cùng kỳ, do các tháng đầu năm ảnh hưởng dịch covid-19 tình hình xuất khẩu vào thị trường truyền thống như Trung Quốc, Mỹ... bị chững lại

+ Sản phẩm gạo tuy có tăng nhưng lượng tăng không đáng kể chỉ với 1,82% so với cùng kỳ, thị trường xuất khẩu các nước truyền thống Philippines, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà, Cuba, Saudi Arabia, Australia,…

- Ngành xây dựng: Giá trị sản xuất ngành xây dựng (theo giá hiện hành) 6 tháng đầu năm ước đạt 6.081,4 tỷ đồng, tăng 8,46% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất ngành xây dựng (theo giá so sánh năm 2010) 6 tháng đầu năm đạt 4.162 tỷ đồng, tăng 7,23% so cùng kỳ.

**3. Khu vực dịch vụ**

Khu vực dịch vụ trong 6 tháng 2021 tăng trưởng khá khi dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 4,84% so với cùng kỳ năm trước, là ngành dịch vụ có đóng góp lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,42 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi tăng 11,28%, đóng góp 0,35 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống 4,45% (cùng kỳ giảm 26,27%), làm tăng 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,92%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; ngành nghệ thuật vui chơi giải trí có mức tăng cao 11,25% (cùng kỳ giảm 3,95%) đóng góp 0,17 điểm phần trăm.

- Ước doanh thu thương mại và dịch vụ 6 tháng đầu năm đạt 77.303,5 tỷ đồng, tăng 8,28% so cùng kỳ, cụ thể: Doanh thu hoạt động bán buôn và bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm ước đạt 65.136 tỷ đồng, tăng 8,44% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 30.947 tỷ đồng, tăng 9,96% so cùng kỳ.

Từ đầu tháng 6/2021 tạm dừng dịch vụ làm đẹp, gội đầu, việc tổ chức các tiệc cưới, hỏi, sinh nhật, thôi nôi,... yêu cầu thực hiện quy mô tối giản, đã tác động đến doanh thu các ngành dịch vụ của địa phương. Ước 6 tháng đầu năm, doanh thu các ngành dịch vụ đạt 12.168 tỷ đồng, tăng 7,40% so cùng kỳ.

- Ước doanh thu vận tải và kho bãi 6 tháng đầu năm 2021 đạt 2.822,62 tỷ đồng, tăng 11,66% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 1.013,18 tỷ đồng, tăng 13,05% so cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 1.681,00 tỷ đồng, tăng 11,15% so cùng kỳ; doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 128,43 tỷ đồng, tăng 7,76% so cùng kỳ

**\* Xuất khẩu**: Ước kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 462,10 triệu USD, tăng 3,27% so với cùng kỳ. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, 3 mặt hàng thủy sản, gạo, dệt may chiếm gần 74%. Cụ thể một số mặt hàng chủ yếu sau:

+ Gạo: Ước tổng kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 263,87 nghìn tấn, tương đương 141,64 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 0,19% về sản lượng và tăng 0,72% về kim ngạch. Thị trường xuất chủ yếu: Philippines, Trung Quốc, Indonesia, Đài Loan, Ghana, Australia,… và một số thị trường như Nga, Bangladesh và Châu Âu;

+ Thủy sản đông lạnh: Ước tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 60,77 nghìn tấn, tương đương 147,02 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 0,27% về sản lượng và tăng 0,63% về kim ngạch. Dự báo trong năm 2021 tình hình xuất khẩu thủy sản có nhiều tín hiệu khả quan hơn từ thị trường Châu Âu và thị trường Mỹ;

+ Hàng may mặc (Quần áo, ba lô,…): Ước tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc đạt 68,00 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 6,42% về kim ngạch. Trong đó, xuất khẩu ba lô, túi xách,.. đạt 16,53 triệu USD, tăng 3,83% về kim ngạch so với cùng kỳ; quần áo các loại xuất khẩu đạt 51,48 triệu USD, tăng 7,27% về kim ngạch so với cùng kỳ (thị trường chủ yếu Mỹ và Châu Âu);

Ngoài ra vẫn còn một số mặt hàng xuất khẩu khác có kim ngạch xuất khẩu khá như: Phân bón các loại: 9,96 triệu USD; sắt thép: 4,20 triệu USD; thuốc lá gói: 6,35 triệu USD; thuốc sâu các loại: 5,24 triệu USD;… và các loại hàng hóa khác kim ngạch xuất khẩu đạt 53,48 triệu USD.

\* Nhập khẩu:Ước tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2021 đạt 84,72 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 7,74% về kim ngạch. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Nguyên vật liệu hàng may mặc đạt 41,78 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 7,65% về kim ngạch; Thuốc trừ sâu và nguyên liệu đạt 16,93 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 8,70% về kim ngạch.

**\* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 6 năm 2021 tăng 0,04% so với tháng trước; tăng 1,59% so với tháng 12 năm trước; so với cùng tháng năm trước tăng 3,77%. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ tăng 3,35%.

**4. Một số vấn đề xã hội**

- An sinh xã hội

Các hoạt động chăm sóc đời sống cho cho hộ nghèo; trợ giúp đột xuất hộ gia đình khó khăn, người có công cách mạng, người cao tuổi; các đối tượng bảo trợ xã hội… luôn được các ngành chức năng tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện tốt, kịp thời với kinh phí khoảng 200 tỷ đồng từ các nguồn: ngân sách, Quỹ “Vì ngưới nghèo”, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

- Giáo dục đào tạo

Trong 6 tháng đầu năm 2021, ngành đã tổ chức triển khai thực hiện đạt hầu hết các nhiệm vụ công tác đã đề ra trong kế hoạch. Triển khai công tác chuẩn bị dạy học trực tuyến trong trường hợp học sinh dừng đến trường do ảnh hưởng của dịch Covid -19 trên cơ sở rút kinh nghiệm kết quả đạt được trong dạy học trực tuyến năm 2020 để có thể chủ động, linh hoạt và hiệu quả hơn trong năm 2021.

+ Tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021-2022: Sở GDĐT đã chủ động trình UBND tỉnh điều chỉnh thời gian tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021-2022 (thời gian tổ chức thi điều chỉnh từ ngày 29/5 đến 30/5/2021). Toàn tỉnh có 47 Hội đồng coi thi với 1.017 phòng thi, có 21.908 thí sinh đăng ký dự thi 03 môn cơ bản và 1.445 thí sinh đăng ký dự thi môn chuyên. Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên tham gia coi thi 3.133 người. Kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; tổ chức xét tuyển vào các trường phổ thông vào ngày 17-18/6/20211.

+ Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Trong 6 tháng đầu năm 2021, có 10 trường được công nhận mới và 02 trường công nhận lại, nâng số trường đạt chuẩn quốc gia 314/702 trường, đạt tỉ lệ 44,73%, trong đó: Mầm non: 84/179 trường, đạt tỉ lệ 46,93%; trường tiểu học:124/319 trường, đạt tỉ lệ 38,87%; trường THCS: 81/154 trường, đạt tỉ lệ 52,60%; trường THPT: 25/50 trường, đạt tỉ lệ 50%.

**-** Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

+ Phòng chống dịch Covid-19 (tính đến 16 giờ, ngày 20/6/2021): ghi nhận 25 ca mắc Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã được cách ly ngay khi nhập cảnh; 01 trường hợp tái dương tính. Cách ly tập trung hiện còn quản lý: 744 trường hợp (số cộng dồn là 9.752 trường hợp). Cách ly tại nhà, nơi lưu trú hiện còn quản lý: 6.149 trường hợp (số cộng dồn là 14.533 trường hợp). Tất cả các trường hợp cách ly trên sức khỏe đều bình thường. Công tác xét nghiệm: số mẫu được xét nghiệm là 19.763 mẫu, trong đó: có 26 mẫu kết quả dương tính với SARS-CoV-2.

+ An toàn thực phẩm, các ngành chức năng tăng cường triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, từ đầu năm 2021 đến nay, chưa có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn tỉnh,

**-** Tai nạn giao thông

Tình hình tai nạn giao thông 6 tháng 2021 trên địa bàn xảy ra 26 vụ (cùng kỳ là 45 vụ), số người chết 26 người (cùng kỳ là 48 người), số người bị thương 6 (cùng kỳ 11 người), trong đó: tai nạn đường bộ là 25 vụ, số người chết 25, số người bị thương 5 người; tai nạn đường sông 01 vụ, 01 người chết và 01 người bị thương. Số vụ tai nạn xuất hiện ở 10/11 huyện, thị xã, thành phố (huyện Thoại Sơn không có trường hợp nào).

- Thiệt hại do thiên tai:

+ Sạt lở, sụt lún đất bờ sông, kênh, rạch:Lũy kế từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 18 điểm sạt lở, sụt lún, răn nứt đất bờ sông, kênh, rạch, với chiều dài 1.028 m, ảnh hưởng đến 15 căn nhà. Ước thiệt hại về đất khoảng 989 triệu đồng.

+ Thiệt hại về người: 05 người bị ảnh hưởng do sét đánh, trong đó: 03 người chết và 02 người bị thương

 + Thiệt hại nhà cửa (do giông, lốc): 116 căn nhà. Ước thiệt hại 1.358 triệu đồng, trong đó: Sập hoàn toàn 06 căn; tốc mái, siêu vẹo 110 căn. Ngoài ra, mưa giông còn làm sập, tốc mái trại ruộng, nhà kho, nhà lưới; đỗ ngã trụ điện…

**-** Bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ

Các ngành chuyên môn đã tổ chức triển khai 117 cuộc kiểm tra về tài nguyên và môi trường với tổng số 416 tổ chức, cá nhân được kiểm tra. Nội dung kiểm tra tập trung vào hoạt động khai thác khoáng sản, quản lý, sử dụng đất, bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 36 trường hợp vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản với số tiền hơn 1.553 triệu đồng.

Trong tỉnh, 6 tháng đầu năm đã có 5 vụ cháy nhà dân, xảy ra ở các huyện thị xã, thành phố: Long Xuyên, Châu Đốc, An Phú, Phú Tân và Chợ Mới, không có thiệt hại về người, ước giá trị thiệt hại về tài sản là 8.654 triệu đồng.

**5. Thực hiện TĐT kinh tế**

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Quyết định số 1344/QĐ-TCTK ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc tổ chức thực hiện Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ban Chỉ đạo TĐT tỉnh An Giang đã thực hiện đúng Phương án TĐT. Kết quả sơ bộ như sau:

- Giai đoạn 1: Khối doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

+ Khối doanh nghiệp: Hoàn thành kê khai 6.904 DN;

+ Khối sự nghiệp, hiệp hội: Sự nghiệp có 899 đơn vị; hiệp hội là 121 đơn vị.

- Giai đoạn 2: Khối SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

+ SXKD cá thể: hoàn thành công tác rà soát, cập nhật đơn vị điều tra là 117.123 cơ sở, bằng 96,25% so 1/7/2020 (giảm 4.565 cơ sở).

+ Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: 823 đơn vị.

Tiến hành thu thập thông tin khối SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng từ ngày 01/7/2021 và kết thúc điều tra ngày 30/7/2021.

**CỤC THỐNG KÊ AN GIANG**